

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/HNGĐ - PT

Ngày: 18 – 6 – 2021

V/v tranh chấp về thay đổi người  
trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Toàn.

*Các Thẩm phán:*

Ông Hồ Văn Phụng.

Bà Tăng Thị Thúy Nga.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Nghi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:**  
Ông Nguyễn Văn Sạch – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 31 tháng 5 và ngày 18 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2021/TLPT - HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2021 về việc tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 13/2021/HNGĐ - ST ngày 01 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 69/2021/QĐ - PT ngày 10 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Hồng N, sinh năm 1986; địa chỉ: Số 136B, đường H, khóm A, phường U, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Huỳnh Hồng G, là Luật sư của Văn phòng Luật sư K, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: Số 28, đường N, phường M, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Trương Quốc T, sinh năm 1983; địa chỉ: Số 102, đường số 2, khu dân cư T, khóm H, phường I, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Đinh Thị P, sinh năm 1962; địa chỉ: Ấp T, xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Trần Hồng N là nguyên đơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/9/2020, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Hồng N trình bày:

Bà Trần Hồng N và ông Trương Quốc T kết hôn năm 2012. Ông bà có một người con chung tên Trương Tuấn K, sinh ngày 06/9/2013. Đến năm 2014 bà N và ông T phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống không phù hợp và thiếu sự tin tưởng lẫn nhau nên đến năm 2018 bà N khởi kiện xin ly hôn tại Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng và được giải quyết bằng Bản án số 33/2018/HNGĐ - ST ngày 19/9/2018. Theo bản án nêu trên bà N được ly hôn với ông T. Về con chung bà N và ông T thỏa thuận giao con chung cho cha là ông T trực tiếp nuôi dưỡng.

Kể từ khi ly hôn cho đến nay, bà N vẫn thường xuyên quan tâm, thăm nom, chăm sóc con chung. Tuy nhiên, đối với ông T mặc dù được quyền trực tiếp nuôi con chung nhưng không thực hiện hết trách nhiệm làm cha, thiếu sự quan tâm, gần gũi, chăm sóc con. Đồng thời, trong thời gian gần đây ông T không còn trực tiếp nuôi cháu K mà lại đưa cháu K cho mẹ là bà Đinh Thị P, cư trú tại Ấp T, xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng nuôi dưỡng.

Nay bà Trần Hồng N yêu cầu Tòa án giải quyết: Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, buộc ông Trương Quốc T giao cháu Trương Tuấn K cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Tại tờ tường trình ngày 24/11/2020, tại phiên hòa giải ngày 26/11/2020, ngày 08/01/2021 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Trương Quốc T trình bày:

Ông T không đồng ý với yêu cầu nêu trên của bà N. Vì từ khi ly hôn cho đến nay cháu K do ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Thời gian đầu sau khi ly hôn thì bà N không quan tâm, chăm sóc cho cháu K. Khi cháu K học lớp 02 thì bà N tự ý chuyển trường cho cháu K mà không hỏi ý kiến của ông T nên ông T mới gửi cháu K về nhà cha mẹ ruột của ông T để bé yên ổn học tập. Việc ông T gửi cháu K về nhà cha mẹ ruột chăm sóc cũng theo nguyện vọng của cháu K vì cháu rất thương ông bà nội và từ khi bé mới sinh thì mẹ ruột của ông T tới lui chăm sóc đến khi cháu K được 06 tháng tuổi thì cháu được ông bà nội rước về chăm sóc và sống cùng ông bà. Khi cháu K được 03 tuổi học mẫu giáo ở xã Gia Hòa 1 thì bà N yêu cầu chuyển bé ra Sóc Trăng học, mẹ ông T cũng muốn cháu gần cha mẹ nên cũng đồng ý. Nhưng khi cháu K ra Sóc Trăng học được 02 tháng thì bà N bỏ ra nhà trọ sống và không quan tâm đến con. Công việc của bà N đi sớm về tối không thể tự đưa đón và cận kề chăm sóc con. Hiện nay cháu K đang sống cùng với ông bà nội rất tốt, vui vẻ, việc học cũng ổn định, hàng tháng ông T vẫn gửi tiền để ông bà nội chăm sóc bé chu đáo đầy đủ vật chất lẫn tinh thần.

- Tại phiên hòa giải ngày 08/01/2021 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị P trình bày:

Khi cháu Trương Tuấn K được 06 tháng tuổi thì cha mẹ cháu K là bà N và ông T gửi cháu K về nhờ bà chăm sóc để cho bà N và ông T đi làm. Đến khi cháu

K được 04 tuổi thì bà N và ông T rước cháu K về chăm sóc, bà N rước cháu K về chăm sóc được khoảng 02 tháng thì bà N tự ý dọn đồ ra khỏi nhà bỏ cháu K lại cho ông T chăm sóc. Đến khi cháu K học hết lớp 1 thì bà N tự ý chuyển trường cho cháu sang trường khác và do ông T bận đi làm không có thời gian chăm sóc cháu K bà mới yêu cầu ông T chuyển cháu K về trường Tiểu học Gia Hòa 1 để bà tiện chăm sóc cháu. Hàng ngày thì bà nhờ cháu bà tên Trương Văn Lấn; địa chỉ: ấp Tân Hòa, xã Gia Hòa 1, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng để đưa đón cháu K đi học. Hiện nay cháu K phát triển bình thường, việc học tập và cuộc sống sinh hoạt của cháu đang ổn định nên bà không đồng ý giao cháu K cho bà N.

Sự việc đã được Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 13/2021/HNGĐ - ST ngày 01 tháng 3 năm 2021 đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015; căn cứ Điều 81, 82, 83 và khoản 2 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; căn cứ khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Hồng N. Về con chung: Giao cho ông Trương Quốc T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trương Tuấn K (nam), sinh ngày 06/9/2013. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Trần Hồng N không cấp dưỡng cho cháu Trương Tuấn K. Bà Trần Hồng N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung tên Trương Tuấn K (nam), sinh ngày 06/9/2013 mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/3/2021, nguyên đơn bà N kháng cáo toàn bộ Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 13/2021/HNGĐ - ST ngày 01/3/2021 nêu trên và được Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng nhận ngày 12/3/2021. Yêu cầu Tòa án phúc thẩm xem xét, giải quyết sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà, buộc ông T và bà P giao cháu K cho bà trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tròn 18 tuổi.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà N không rút lại đơn khởi kiện; không thay đổi, bổ sung hoặc rút đơn kháng cáo và cho rằng hiện nay ông T không còn trực tiếp nuôi con nữa mà giao cho mẹ ông T là bà P ở Mỹ Xuyên nuôi dưỡng, bà P không phải là đối tượng được quyền trực tiếp nuôi con. Việc Tòa án cấp sơ thẩm quyết định cho ông T gián tiếp nuôi con là không đúng, khi về sống với bà P con bà học tập sa sút và có biểu hiện của sự trầm cảm, khi vào lớp không tiếp xúc với ai, nhút nhát. Do đó, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm buộc ông T và bà P giao cháu K cho bà trực tiếp nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi, bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Bị đơn ông T cho rằng ông là người trực tiếp nuôi cháu K, ông chỉ gửi cho mẹ ông chăm sóc thay từ tháng 9/2020 đến nay, ông thường xuyên về chăm lo cho cháu K, gửi tiền về nuôi cháu K, nên ông không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bà N. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà P cho rằng bà không có la mắch cháu K, bà chăm lo tốt cho cháu K, cháu K vẫn phát triển bình

thường, bà nhờ người đưa rước cháu K đi học, đảm bảo cháu K học tập tốt, trước khi khởi kiện thì khoảng 3 - 4 tuần bà N mới về thăm con một lần, từ khi khởi kiện đến nay thì về thăm nhiều hơn, bà không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bà N. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà N cho rằng: Hiện nay ông T không còn trực tiếp nuôi con, không đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con là vi phạm Điều 13 Luật Bảo vệ, chăm sóc và Giáo dục trẻ em, xâm phạm quyền về phát triển thể chất và tinh thần của cháu K, hiện nay bà P đã lớn tuổi không thể đưa rước cháu K đi học, bà P là mẫn cháu K nên khi có mặt bà P thì cháu K không dám nói chuyện với bà N, bà P xâm phạm quyền trẻ em, quyền được sống chung với cha mẹ; còn bà N có nhà ở ổn định, có đủ điều kiện chăm sóc, giáo dục cháu K tốt hơn về mọi mặt. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà N và đề nghị áp dụng điểm b khoản 2 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng theo hướng giao cháu K cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng là trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm thì HĐXX, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng. Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định pháp luật có liên quan đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà N và áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, để giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Tại phiên tòa lần thứ hai (Sau khi tạm ngừng), nguyên đơn bà Trần Hồng N, bị đơn ông Trương Quốc T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị P và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà N ông Huỳnh Hồng Thắng đều có mặt, nên HĐXX căn cứ vào khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về người kháng cáo, nội dung, hình thức đơn kháng cáo và thời hạn kháng cáo của bà N là đúng quy định tại Điều 271, Điều 272 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo hợp lệ, được Tòa án chấp nhận và tiến hành xét xử phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[3] Theo đơn kháng cáo bà N cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm lấy lời khai cháu K không có bà tham gia là không khách quan, nên Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành lấy lời khai cháu K có sự tham gia của bà N và ông T, việc lấy lời khai cháu K ở giai đoạn phúc thẩm là đảm bảo khách quan, đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét đơn kháng cáo của bà N về việc yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết sửa Bản án sơ thẩm số: 13/2021/HNGĐ - ST ngày 01/3/2021 của Tòa án

nhân dân thành phố Sóc Trăng theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà, buộc ông T và bà P giao cháu K cho bà trực tiếp nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi, bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Theo nội dung đơn kháng cáo, bà N cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không đề cập lời phát biểu tranh tụng cũng như không hề phân tích, đánh giá ý kiến tranh tụng của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà là không xem xét, đánh giá một cách toàn diện và khách quan tài liệu, chứng cứ, không tôn trọng kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Xét thấy, mặc dù Tòa án cấp sơ thẩm không đề cập lời phát biểu tranh tụng cũng như không phân tích, đánh giá ý kiến tranh tụng của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà N là thiếu sót; nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã dựa vào tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và ý kiến tranh tụng của bà N tại phiên tòa để xem xét, giải quyết vụ án và xác định yêu cầu khởi kiện của bà N là không có căn cứ chấp nhận, nên ý kiến tranh tụng của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà N cũng không có căn cứ chấp nhận. Việc này không làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc giải quyết vụ án.

[5] Đồng thời, theo đơn kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm bà N cho rằng hiện nay ông T không còn trực tiếp nuôi con nữa mà giao cho mẹ ông T là bà P ở Mỹ Xuyên nuôi dưỡng, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm nhận định ông T đủ điều kiện trực tiếp nuôi con là hết sức vô lý và không có căn cứ, vì bà P không phải là đối tượng được quyền trực tiếp nuôi con theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Ngoài ra, bà N cho rằng việc Tòa án cấp sơ thẩm quyết định cho ông T gián tiếp nuôi con là không đúng, vì khi về sống với bà P con bà học tập sa sút và có biểu hiện của sự trầm cảm, khi vào lớp không tiếp xúc với ai, nhút nhát. Xét thấy, tại Bản án số 33/2018/HNGĐ - ST ngày 19/9/2018 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con, Tòa án đã ghi nhận ý kiến tự nguyện của bà N là giao cháu K cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Mặc dù, ông T nhờ mẹ ruột là bà P chăm sóc thay, nhưng ông T thường xuyên về thăm nom, chăm sóc cháu K và hàng tháng đều gửi tiền về nuôi dưỡng cháu K và tạo điều kiện cho cháu K học tập đầy đủ; theo kết quả học tập của năm học 2020 - 2021 thì cháu K được tặng Giấy khen đạt thành tích *“Tiến bộ vượt trội trong học tập”* và theo Sổ liên lạc của Trường tiểu học Gia Hòa 1A xác định: *“Cháu K biết tự quản, tự học, tự tin hơn, phát biểu ý kiến hơn trong học tập”*. Như vậy, tuy bà P thay ông T chăm sóc cháu K, nhưng ông T là người trực tiếp gửi tiền về nuôi dưỡng cháu K, tạo điều kiện giáo dục cháu K. Điều đó thể hiện việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục của ông T đối với cháu K là trực tiếp, trực tiếp không có nghĩa là dẫn con theo bên mình, nếu hiểu trực tiếp là phải dẫn con theo bên mình thì không thể lao động tạo thu nhập để nuôi con, không thể cho con học tập nên người. Mặt khác, tại Biên bản lấy lời khai ngày 01/6/2021, có sự chứng kiến của bà N và ông T thì cháu K có nguyện vọng được sống cùng với ông T, không đồng ý sống chung với bà N. Điều đó chứng tỏ việc ông T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu K là đảm bảo. Đồng thời, ông T và bà P không có cản trở bà N thực hiện quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục cháu K, nên không làm ảnh hưởng đến quyền được thăm nom, chăm sóc, giáo dục cháu K của bà N. Bà N không chứng minh được việc ông T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu K là không tốt, làm ảnh hưởng đến sức khỏe, tinh thần, làm ảnh hưởng đến việc học tập và làm ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của cháu K. Do đó, nhằm đảm bảo ổn định cho cháu K về mọi mặt, tránh làm xáo trộn đời sống, tâm sinh lý của cháu K, giúp

cho cháu K yên tâm học tập, nên việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N là có căn cứ, phù hợp với nguyện vọng của cháu K và phù hợp với quy định tại khoản 2, 3 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà N cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh cho kháng cáo của bà là có căn cứ và hợp pháp.

[6] Từ những phân tích tại mục [4] và [5] như đã nêu trên, việc bà N kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà, buộc ông T và bà P giao cháu K cho bà trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tròn 18 tuổi, bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con là không có căn cứ, nên không được HĐXX chấp nhận. Tuy nhiên, trong phần quyết định của bản án sơ thẩm tuyên thừa, không cần thiết ở mục 2, vì trong Bản án số 33, ngày 19/9/2018 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con giữa bà N và ông T đã tuyên rồi, nên HĐXX phúc thẩm điều chỉnh lại cho phù hợp.

[7] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà N đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà N và đề nghị áp dụng điểm b khoản 2 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng theo hướng giao cháu K cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là không có căn cứ, nên không được HĐXX chấp nhận.

[8] Do kháng cáo của bà N không được chấp nhận và bản án sơ thẩm vẫn được giữ nguyên, nên bà N phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[9] Đối với lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm về việc đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà N và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng là có căn cứ, nên được HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ khoản 2, 3 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Hồng N.

2. Giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 13/2021/HNGĐ - ST ngày 01 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Án tuyên như sau:

- *Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Hồng N về việc yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn là yêu cầu buộc*

ông Trương Quốc T và bà Đinh Thị P giao cháu Trương Tuấn K, sinh ngày 06/9/2013 cho bà Trần Hồng N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

- Về án phí sơ thẩm: Bà Trần Hồng N phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu số 0004641 ngày 25/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng. Như vậy, bà Trần Hồng N đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

3. Về án phí phúc thẩm: Bà Trần Hồng N phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu số 0009626 ngày 15/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng. Như vậy, bà Trần Hồng N đã nộp đủ tiền án phí phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (*Được sửa đổi, bổ sung năm 2014*), thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng;
- TAND thành phố Sóc Trăng;
- Chi cục THADS thành phố Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Văn Toàn**